



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY
DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU
ĐỒNG NAI**
ĐẤU GIÁ BÁN BỚT CỔ PHẦN THUỘC PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai.
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần.
Giá khởi điểm:	12.500 đồng/cổ phần.
Tổng số lượng chào bán:	2.328.660 cổ phần.
Tổng giá trị chào bán:	23.286.660.000 đồng (Hai mươi ba tỷ hai trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng).

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ ĐẠI LÝ CHÀO BÁN:

Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Trụ sở chính: Tầng 2, 5 Toà nhà 94 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Chi nhánh: 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (84-4) 9433016 - 9433017 - 9433435
Fax: (84-4) 9433012

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty Kiểm toán DTL

Trụ sở: Lầu 5, tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, P.Đakao, quận 1, TP.HCM
Điện thoại: (84 - 08) 8275026
Fax: (84 - 08) 8275027

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	1
1. RỦI RO KINH TẾ	1
2. RỦI RO LUẬT PHÁP	1
3. RỦI RO NGÀNH	1
4. RỦI RO KHÁC	2
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	2
1. TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN	2
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN	2
III. CÁC KHÁI NIỆM	3
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN	3
1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	3
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển	3
1.2. Giới thiệu Công ty	4
1.3. Cơ cấu vốn cổ phần:	5
2. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY	6
3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY TẠI THỜI ĐIỂM 30/06/2007	13
4. CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	13
5. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN	14
<i>Nguồn: DNC</i>	14
6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	14
6.1. Các nhóm sản phẩm chính của Công ty	14
6.2. Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm	16
6.3. Nguyên vật liệu	17
6.4. Chi phí sản xuất	18
6.5. Trình độ công nghệ	19
6.6. Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	20
6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ	20
6.8. Hoạt động Marketing	20
6.9. Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ	21
6.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết	21
7. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 02 NĂM GẦN NHẤT	22
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2005, 2006 và 9 tháng đầu năm 2007	22
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2006	23
8. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH	24
8.1. Vị thế của Công ty trong ngành	24
8.2. Triển vọng phát triển của ngành	25



9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	26
9.1. Số lượng người lao động trong Công ty	26
9.2. Chính sách đối với người lao động.....	26
10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC.....	27
11. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	27
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản	27
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	30
12. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	32
12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.....	32
12.2. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát.....	36
12.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.....	39
13. TÀI SẢN	41
13.1. Giá trị tài sản cố định theo Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2006.....	41
13.2. Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng.....	41
14. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC GIAI ĐOẠN 2007- 2011	42
14.1. Định hướng phát triển của Công ty đến năm 2011	42
14.2. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2007 – 2011.....	43
15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC.....	44
16. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY.....	44
17. CÁC THÔNG TIN TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY CÓ THỂ GÂY ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN.....	45
V. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN	45
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	46
VII. CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC HĐQT THÔNG QUA.....	47
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT ĐẤU GIÁ.....	47
1. TỔ CHỨC TƯ VẤN ĐẤU GIÁ.....	47
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN.....	48
IX. PHỤ LỤC.....	49
1. PHỤ LỤC I : GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH.....	49
2. PHỤ LỤC II : ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI	49
3. PHỤ LỤC III : BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2005, 2006, QIII/2007, CÔNG VĂN VỀ VIỆC GIẢI TRÌNH CÁC ĐIỂM NGOẠI TRỪ TRONG BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2005, 2006	49
4. PHỤ LỤC IV : SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BTGD.....	49
5. PHỤ LỤC V : CÔNG VĂN CỦA UBND TỈNH ĐỒNG NAI, CÔNG VĂN CỦA SỞ TÀI CHÍNH ĐỒNG NAI, CÔNG VĂN CỦA CÔNG TY PHÁT TRIỂN KCN BIÊN HÒA	49
6. PHỤ LỤC VI : CÁC TÀI LIỆU LIÊN QUAN TỚI CÁC DỰ ÁN MÀ HĐQT ĐÃ THÔNG QUA.....	49
7. PHỤ LỤC VII : CAM KẾT SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	49

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. RỦI RO KINH TẾ

Kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn tăng trưởng mạnh, tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm là khá cao, năm 2005 là 8,43% và năm 2006 là 8,17% và theo kế hoạch được Quốc hội thông qua, dự kiến GDP trong năm 2007 sẽ là 8,5%. Ngoài ra, Quốc hội Việt Nam khóa XI cũng đã thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, trong đó, đặt mục tiêu GDP tăng trưởng 7,5% - 8%/năm. Trong năm 2006, nước ta cũng đã thu hút được 9 tỷ USD đầu tư trực tiếp từ nước ngoài và với việc ngày càng có nhiều tập đoàn hàng đầu thế giới đang xem Việt Nam là điểm đến mới sau khi chính thức trở thành thành viên thứ 150 của WTO cũng như các nhà đầu tư nước ngoài đang có cái nhìn lạc quan về sự tăng trưởng kinh tế của nước ta thì cơ hội tăng trưởng mà Quốc hội đưa ra là có cơ sở. Kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng mạnh và ổn định trong những năm tới.

Với sự tăng trưởng ổn định của nền kinh tế như hiện nay cũng như những lạc quan trong tương lai cho thấy các hoạt động đầu tư xây dựng và các dịch vụ khác liên quan đến ngành xây dựng như khai thác cát, đá, đất... của Công ty cũng sẽ có những tác động tích cực. Vì vậy, xét trên giác độ phát triển kinh tế, triển vọng của Công ty là hết sức khả quan và có thể nhận định rằng rủi ro về kinh tế là không đáng ngại.

2. RỦI RO LUẬT PHÁP

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là đầu tư xây dựng và các dịch vụ khai thác cát, đá... đây là những lĩnh vực liên quan rất nhiều tới bảo vệ tài nguyên, môi trường và cân bằng sinh thái. Vì vậy, khi những chính sách này thay đổi sẽ làm cho hoạt động kinh doanh của Công ty gặp khó khăn, tăng chi phí và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh.

Tuy nhiên, kinh tế nước ta đang trong giai đoạn phát triển mạnh, nhu cầu về vật liệu xây dựng để phát triển hạ tầng cơ sở là rất lớn, tài nguyên về cát, đá của Việt Nam vẫn còn phong phú. Với nhu cầu tiêu thụ như hiện nay cộng với những kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh, khai thác, Công ty cũng đã tìm cách để hạn chế tối đa rủi ro do luật pháp mang lại.

3. RỦI RO NGÀNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là khai thác cát và đá. Đây là hai lĩnh vực hoạt động đòi hỏi phải có nhiều kinh nghiệm và phải có những điều kiện rất khắc khe. Do đó, sẽ có rất ít sự gia nhập ngành của những công ty khác. Ngoài thế mạnh về khai thác, Công ty cũng đang đầu tư mạnh vào các lĩnh vực đầu tư xây dựng, mua bán

nguyên vật liệu phục vụ ngành xây dựng, san lấp mặt bằng, kinh doanh nhà. Với xu hướng như hiện nay, Công ty sẽ phải đối đầu với những sự cạnh tranh của rất nhiều đơn vị khác có tiềm lực tài chính và có thương hiệu. Do đó, có khả năng làm gia tăng chi phí trong kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, với tiềm năng về phát triển kinh tế, với kinh nghiệm và thực lực hiện tại cộng với việc Công ty có Ban lãnh đạo đầy tâm huyết và sáng tạo, đội ngũ nhân viên có trình độ, trẻ, năng động, trong tương lai, Công ty có thể tăng trưởng và phát triển mạnh hơn nữa.

4. RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hoả hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

Ông **NGUYỄN HỮU THỰC** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai.

Bà **VŨ THỊ XUÂN MAI** Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai.

Bà **TRẦN THỊ THU** Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Đại diện theo pháp luật:

Ông **NGUYỄN QUANG VINH** Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn tổ chức thực hiện đấu giá bán bớt cổ phần thuộc phần vốn Nhà nước với Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên

Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản cáo bạch:

Công ty	:	Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai
CNĐKKD	:	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
DNC	:	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
UBND	:	Ủy ban nhân dân
SXKD	:	Sản xuất kinh doanh
TSCĐ	:	Tài sản cố định
KCN	:	Khu công nghiệp
CAR	:	Phiếu yêu cầu hành động khắc phục và phòng ngừa

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai có tiền thân là Xí nghiệp Khai thác cát Đồng Nai. Được thành lập vào ngày 14/10/1992 và hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản là cát.

Ngày 27/12/1996 theo quyết định số 6157/QĐ-UBT của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc hợp nhất 03 đơn vị là: Xí nghiệp Khai thác cát Đồng Nai; Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Vĩnh An và Công ty Xây dựng và sản xuất vật liệu Long Thành, thành Công ty Khai thác cát Đồng Nai với tổng vốn điều lệ là 7.579.443.803 đồng. Ngành nghề Kinh doanh của Công ty là khai thác kinh doanh cát, đất, đá và thi công san lấp mặt bằng.

Năm 1998 Công ty đầu tư một trạm trộn sản xuất kinh doanh bê tông thương phẩm với công suất 60m³/h với mức vốn đầu tư trên 15 tỉ đồng. Ngoài ra, Công ty còn mở rộng thêm lĩnh vực đầu tư kinh doanh nhà đất tại các khu quy hoạch nhà ở Trảng Dài, Hóa An (Biên Hòa) và Khu quy hoạch nhà ở thị trấn Long Thành.

Năm 2000 Công ty đã đầu tư xây dựng Nhà máy Gạch Tuynel Long Thành. Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại với công suất 20 triệu viên gạch tiêu chuẩn/năm, tổng mức đầu tư 12 tỉ đồng.

Năm 2003 Công ty tiến hành đầu tư nhà máy ngói màu, với sản phẩm là Gạch màu và Ngói màu. Ngói màu được sản xuất trên dây chuyền công nghệ tiên tiến hiện nay được nhập về từ Italy. Tổng mức đầu tư là 7 tỉ đồng.

Thực hiện theo quyết định 1842/QĐ-CT-UBT ngày 12/5/2005 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Khai thác cát Đồng Nai thành Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai. Ngày 29/9/2005 Công ty chính thức đi vào hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần với tổng vốn điều lệ là 134 tỷ đồng và số vốn thực góp cho tới thời điểm 31/12/2006 là 88,34 tỷ đồng.

Sau khi đi vào cổ phần hóa, Lĩnh vực Khai thác cát đã phải ngưng vì giấy phép khai thác hết hạn. Để tiếp tục lĩnh vực khai thác, Công ty tiến hành liên doanh, liên kết với các đơn vị tại Bà Rịa Vũng Tàu như góp 50% vốn với Công ty TNHH Hoàng Linh để thành lập Cty liên doanh Cát Hoàng đồng thời Liên kết với Công ty xây dựng công trình Giao thông 610 (TP.HCM) để liên kết khai thác tại mỏ đá Phước Tân.

Sau 15 năm hình thành và phát triển, đến nay, Công ty đã phát triển một cách vượt bậc, từ doanh thu, lợi nhuận, phương cách quản lý... Ngoài ra, Công ty tiếp tục mở rộng và phát triển mạnh hơn nữa trong lĩnh vực khai thác đất, đá. Với những định hướng hiện có cũng như thực lực và sự quyết tâm của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên thì trong tương lai không xa, Công ty có thể phát triển mạnh hơn nữa và sẽ trở thành một trong những thương hiệu mạnh trong các lĩnh vực kinh doanh của mình.

1.2. Giới thiệu Công ty

- Tên Công ty : Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai.
- Tên viết tắt : DNC
- Tên Tiếng Anh : Dong Nai Material and Building Investment Joint Stock Company.



- Biểu tượng của Công ty :
- Trụ sở : Khu phố 10, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại : (84-061) 3 831 998
- Fax: : (84-061) 3 833 467
- Email : donadnc@vnn.vn

- Website : www.donasand.com.vn
- Giấy CNĐKKD : Số 4703000281 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/09/2005 đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 12/01/2006.
- Vốn điều lệ : 134.000.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi bốn tỷ đồng*). Tổng số vốn góp theo báo cáo kiểm toán đến ngày 31/12/2006 là 88.340.000.000 đồng (tám mươi tám tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng). Hiện tại, Công ty cũng đang tiến hành xin thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ xuống còn 88.340.000.000 đồng.
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:
 - Khai thác cát, đất, đá các loại;
 - Sản xuất bê tông thương phẩm, xi măng (liên doanh), gạch ngói các loại;
 - Mua bán, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng;
 - Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
 - Dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm chất lượng vật liệu xây dựng;
 - Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư, trung tâm thương mại, nhà hàng, cao ốc, văn phòng cho thuê;
 - San lấp mặt bằng;
 - Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.
- Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

1.3. Cơ cấu vốn cổ phần:

Tính đến ngày 30/06/2007, cơ cấu vốn cổ phần của Công ty như sau:

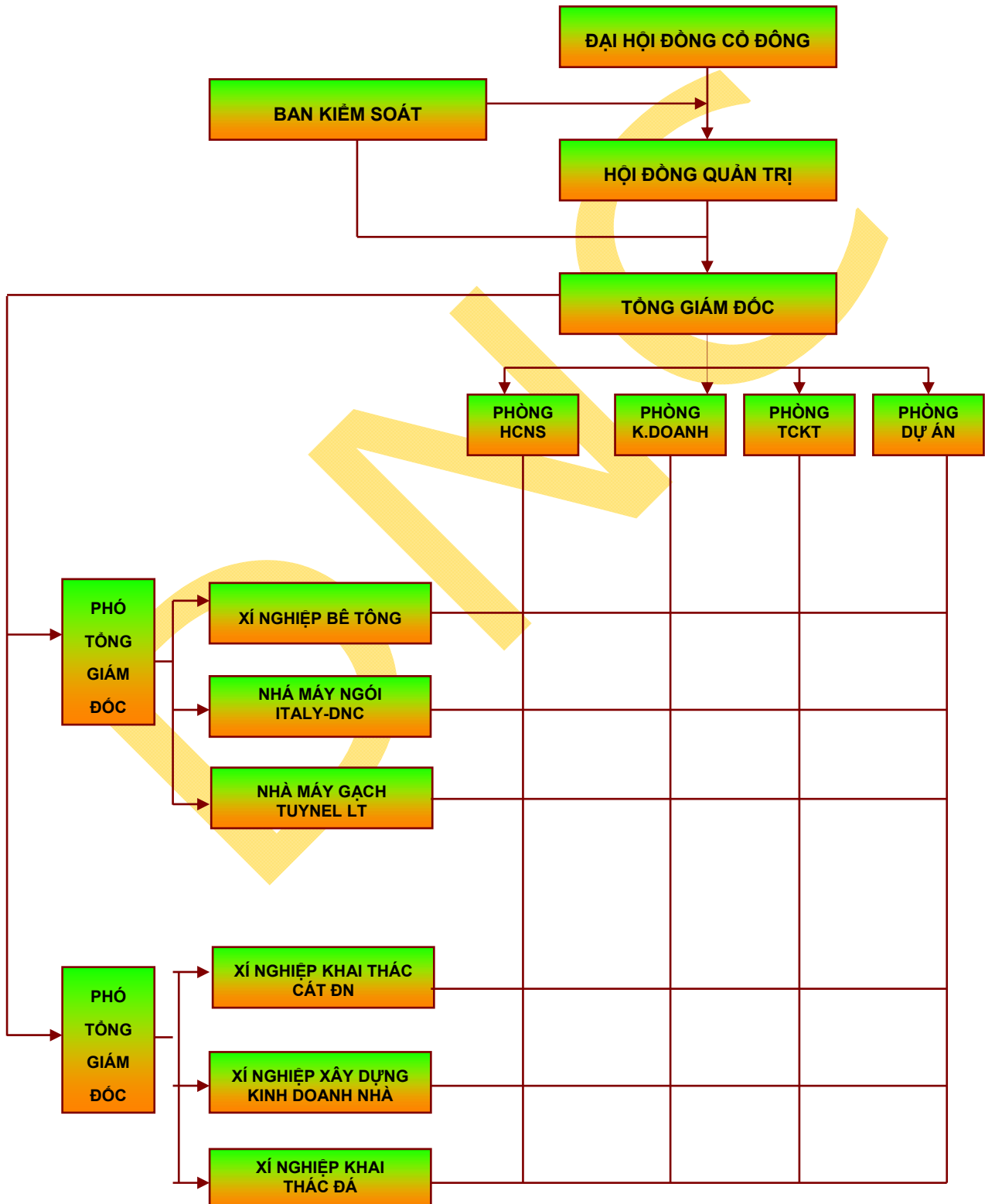
Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1. Nhà nước	6.834.000	77,36%
2. Cán bộ công nhân viên	139.225	1,58%
3. Cổ đông bên ngoài	1.860.775	21,06%
a) Cổ đông trong nước	1.860.775	21,06%
- Pháp nhân:	1.597.320	18,08%
- Cá nhân:	263.455	2,98%
b) Cổ đông nước ngoài	-	-
Tổng cộng	8.834.000	100,00%

Nguồn: DNC

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ DNC



Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty có 04 thành viên, nhiệm kỳ mỗi thành viên là 05 năm.

Ban Kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Hiện tại Ban Kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ 05 năm.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Tổng Giám đốc hiện có 3 thành viên.

Chức năng các Phòng ban**1. PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN:**

Chức năng: Tham mưu cho Ban Tổng Giám Đốc về các lĩnh vực:

- Quản lý nghiệp vụ kế toán.
- Quản lý tài sản.
- Quản trị tài chính.

Nhiệm vụ:

Quản lý nghiệp vụ kế toán:

- Tổ chức hệ thống ghi chép kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong hoạt động SXKD, trong việc thu chi, nhập xuất tại Công ty.
- Hỗ trợ, hướng dẫn các đơn vị thực hiện đúng các chính sách, chế độ, qui định về quản lý tài chính của Nhà nước.
- Kiểm tra tính rõ ràng, trung thực, đầy đủ các chỉ tiêu phản ánh trên chứng từ. Kiểm tra tính chính xác của số liệu thông tin trên chứng từ.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp của nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh.
- Căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra để tiến hành ghi sổ kế toán.
- Lập báo cáo tài chính, báo cáo thống kê kịp thời theo đúng qui định, chế độ Nhà nước.

- Thực hiện nghiệp vụ thu chi, theo dõi doanh thu, theo dõi công nợ, thu hồi công nợ.
- Liên hệ với cơ quan bên ngoài và các cơ quan hữu quan có liên quan để giải quyết các vấn đề liên quan đến tài chính.
- Sắp xếp, phân loại, bảo quản, lưu giữ các chứng từ kế toán đã sử dụng đúng theo quy định chế độ lưu trữ chứng từ của Nhà nước.

Quản lý tài sản:

- Quản lý quỹ và tài sản Công ty về mặt tài chính.
- Theo dõi tăng giảm tài sản cố định.
- Tính toán khấu hao theo chế độ hiện hành.
- Quản lý hợp đồng các loại.
- Tổ chức kiểm kê định kỳ hàng năm.

Quản trị tài chính:

- Tham mưu Ban Tổng Giám Đốc trong quá trình xây dựng, quản lý các dự án đầu tư.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong quá trình phân tích hoạt động kế toán nhằm phát hiện khai thác những khả năng tiềm tàng, khắc phục những thiếu sót còn tồn tại trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Quản lý tập trung thống nhất số liệu kế toán thống kê; cung cấp số liệu cho Hội đồng quản trị theo điều lệ.
- Lập kế hoạch tài chính, đảm bảo cung cấp kịp thời nhu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Lập báo cáo tài chính, báo cáo thống kê kịp thời theo đúng quy định, chế độ Nhà nước.
- Lập báo cáo quyết toán tài chính theo luật định.
- Tổ chức kiểm tra tài chính nội bộ định kỳ và đột xuất.

2. PHÒNG HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ:

Chức năng: Tham mưu Ban Tổng Giám đốc về các lĩnh vực:

- Thực hiện công tác tổ chức nhân sự.
- Quản trị nhân sự.
- Quản trị hành chính.
- Hành chính văn thư.
- Kiểm soát hệ thống quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ:

Thực hiện công tác tổ chức nhân sự:

- Tổ chức đánh giá trình độ nhân viên và nhu cầu về nguồn nhân lực.
- Lập kế hoạch tổ chức, điều động cán bộ và huy động nguồn nhân lực.
- Tổ chức đào tạo nội bộ.
- Tổ chức tuyển dụng.

- Tổ chức đánh giá khen thưởng thi đua.

Quản trị Nhân sự:

- Soạn thảo hợp đồng lao động.
- Quản lý lao động: Giám sát chấm công, tính lương, chế độ nghỉ lễ, phép theo chế độ Nhà nước qui định.
- Lập và quản lý hồ sơ lao động; đăng ký lao động với cơ quan chủ quản.
- Thực hiện các chế độ đối với người lao động theo qui định pháp luật (BHXH, BHYT) và Công ty.
- Thực hiện chế độ lương, thưởng theo qui chế Công ty và theo luật định.
- Soạn thảo qui chế, nội qui, qui định và theo dõi tình hình thực hiện.
- Soạn thảo thỏa ước lao động tập thể.
- Tổ chức thăm hỏi các trường hợp ốm đau, ma chay, hữu hỷ ...
- Giải quyết các tình huống tranh chấp lao động, khiếu kiện kỷ luật lao động.
- Thực hiện công tác hòa giải trong Công ty.
- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong Công ty thực hiện công tác đoàn thể theo điều lệ Công ty.
- Tham gia xây dựng kế hoạch và tổ chức chương trình tham quan nghỉ mát cho CBCNV.

Kiểm soát hệ thống:

- Cập nhật thông tin về quản lý chất lượng và ISO 9000 phục vụ việc cải tiến hệ thống: Tiếp nhận và triển khai, phổ biến các thông tin về quản lý chất lượng.
- Kiểm soát việc thực hiện: Hướng dẫn các đơn vị và cá nhân áp dụng và duy trì hệ thống.
- Lập kế hoạch và tổ chức đào tạo nội bộ về hệ thống quản lý chất lượng và ISO 9000.
- Giám sát, đôn đốc việc soạn thảo và thực hiện tài liệu, mục tiêu, kế hoạch.
- Phụ trách việc tiếp nhận và triển khai, đôn đốc giải quyết các phiếu CAR.
- Đánh giá tình trạng áp dụng, báo cáo cho đo lường chất lượng về hiện trạng hệ thống.
- Dự thảo chương trình đánh giá nội bộ, và tổ chức thực hiện.
- Tổ chức hướng dẫn, triển khai việc áp dụng các kỹ thuật thống kê trong toàn tổ chức.

Quản trị hành chính: Tổ chức cung cấp, quản lý và duy trì các cơ sở vật chất và điều kiện làm việc cần thiết cho mọi hoạt động Công ty.

- Quản lý thiết bị hành chính: Phụ trách mua sắm, sửa chữa trang thiết bị văn phòng, quản lý cơ sở vật chất, môi trường trong khuôn viên Công ty.
- Quản lý việc sử dụng các trang thiết bị, vật dụng văn phòng, tổng đài điện thoại, máy Fax, email.
- Chuẩn bị tài liệu, trang thiết bị cho cuộc họp, hội nghị, tiếp khách.



- Quản lý tạp vụ, điều động xe con.
- Đặt báo, thuê xe, mua vé máy bay, thanh toán cước, phí Ban Tổng Giám Đốc.
- Mua và cấp phát bảo hộ lao động.
- Phụ trách công tác bảo vệ, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, An toàn lao động, tai nạn lao động.
- Quản lý khuôn viên.

Y tế – Hành chánh văn thư:

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV.
- Tổ chức tử thuốc tại Xí nghiệp, nhà máy.
- Thực hiện các nghiệp vụ y tế, sơ cấp cứu.
- Quản lý, thanh tra bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động.
- Liên hệ với cơ quan liên quan, bệnh viện để phục vụ công tác khám chữa bệnh.

Hành chánh văn thư:

- Quản lý và theo dõi việc phát hành các văn bản, công văn trong Công ty.
- Tổ chức tiếp nhận, lưu trữ và chuyển giao các thông tin, văn bản, tài liệu, hồ sơ.
- Trực điện thoại, tiếp khách, soạn thảo công văn, photo, in, phát tài liệu.
- Tổ chức và sắp xếp lịch các cuộc tiếp đón, hội họp, hội thảo, học tập, làm việc toàn Công ty.
- Thực hiện công tác tiếp tân, trực tổng đài.
- Lập và quản lý giấy giới thiệu.
- Quản lý con dấu.
- Liên hệ với các cơ quan hữu quan để hỗ trợ cho hoạt động của Công ty.
- Bảo vệ dữ liệu, thông tin, cập nhật chương trình chống virus.
- Mua và cấp phát văn phòng phẩm.

3. PHÒNG KINH DOANH:

Chức năng: Tham mưu Ban Tổng Giám đốc về các lĩnh vực:

- Thực hiện hoạt động marketing, nghiên cứu thị trường cho sản phẩm của Công ty.
- Tổ chức phân phối và tiêu thụ sản phẩm của toàn Công ty.
- Quản lý các hợp đồng sản xuất kinh doanh trong phạm vi toàn Công ty.
- Thu hồi công nợ và giải quyết các tranh chấp hợp đồng kinh tế.
- Theo dõi, giám sát tình hình sản xuất của các Nhà máy, Xí nghiệp, khai thác tài nguyên khoáng sản.
- Theo dõi việc quản lý, sử dụng toàn bộ máy móc thiết bị của tất cả các đơn vị trực thuộc.
- Theo dõi kiểm soát chất lượng sản phẩm của các Nhà máy, Xí nghiệp.
- Lập và quản lý các định mức kinh tế kỹ thuật. Tổng hợp quyết toán tiêu hao vật tư nguyên nhiên liệu trong Công ty.

- Hoạt động đầu tư.

Nhiệm vụ:

Thực hiện hoạt động marketing, nghiên cứu thị trường cho sản phẩm của Công ty:

- Nghiên cứu thị trường (thu thập và phân tích các thông tin về đối thủ, khách hàng, thị trường).
- Xây dựng chương trình, lập kế hoạch và triển khai thực hiện các hoạt động quảng cáo, quảng bá sản phẩm của Công ty.
- Thực hiện công tác truyền thông – giao tế để hỗ trợ cho hoạt động bán hàng.

Tổ chức phân phối và tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy Ngói màu DNC, Xí nghiệp Khai thác cát, Nhà máy gạch Tuynel.

- Xác định mục tiêu và phương hướng kinh doanh.
- Xây dựng triển khai và kiểm soát kế hoạch kinh doanh.
- Tiếp nhận yêu cầu, báo giá, giới thiệu sản phẩm.
- Tiếp thị sản phẩm - mở đại lý.
- Tiếp nhận yêu cầu mua hàng - lập kế hoạch giao hàng.
- Quản lý hợp đồng – theo dõi kiểm soát công nợ của đại lý.
- Lập và quản lý danh sách khách hàng đại lý.

Quản lý các hợp đồng sản xuất kinh doanh trong phạm vi toàn Công ty:

- Đàm phán, tổ chức ký kết các hợp đồng thương mại.
- Quản lý tất cả các hợp đồng sản xuất kinh doanh trong phạm vi toàn Công ty.
- Theo dõi tình hình thực hiện hợp đồng và báo cáo tình hình kinh doanh cho Ban Tổng Giám đốc.
- Tham gia thu hồi công nợ và giải quyết các tranh chấp hợp đồng kinh tế.
- Quản lý cửa hàng giới thiệu sản phẩm và bán lẻ.

Lập và quản lý các định mức kinh tế kỹ thuật. Tổng hợp quyết toán tiêu hao vật tư nguyên nhiên liệu trong Công ty:

- Xây dựng và điều chỉnh định mức sử dụng nguyên liệu - vật tư trong sản xuất.
- Tổng hợp quyết toán tiêu hao vật tư nguyên nhiên liệu trong Công ty.
- Tổng hợp báo cáo kết quả sản xuất và tình hình sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất, đánh giá tình hình thực hiện định mức vật tư nguyên vật liệu.

Theo dõi việc quản lý và sử dụng toàn bộ máy móc thiết bị, hóa đơn bán hàng của tất cả các đơn vị trực thuộc:

- Phối hợp với các đơn vị trực thuộc kiểm soát về số lượng và tình trạng máy móc thiết bị.
- Đề xuất các phương án đầu tư, thanh lý,... máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất.
- Thực hiện quản lý, cấp phát, thu hồi, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn.

Theo dõi hoạt động sản xuất của các Nhà máy, Xí nghiệp:

- Phối hợp với các đơn vị xây dựng phương án tổ chức, quy trình sản xuất.
- Tham gia xử lý về kỹ thuật trong các hoạt động sản xuất của các đơn vị.
- Nghiên cứu đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị phát triển sản xuất.
- Quản lý quá trình khai thác tài nguyên khoáng sản và báo cáo giám sát tác động môi trường.

Theo dõi kiểm soát chất lượng sản phẩm của các Nhà máy, Xí nghiệp:

- Tổ chức đăng ký chất lượng hàng hóa.
- Theo dõi sự ổn định của chất lượng sản phẩm.

4. PHÒNG DỰ ÁN:

Chức năng: Tham mưu Ban Tổng Giám đốc về các lĩnh vực:

- Nghiên cứu phát triển các dự án.
- Nghiên cứu phát triển sản phẩm.
- Lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà, hạ tầng.

Cụ thể là:

- Tham gia, trình duyệt báo cáo đầu tư và báo cáo kinh tế kỹ thuật cho các dự án.
- Điều hành dự án.
- Kêu gọi nhà đầu tư.
- Tham gia đấu thầu, mời thầu.
- Quản lý thiết kế công trình, thi công công trình.
- Giám sát công trình.
- Giám sát chủ đầu tư.
- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.
- Quản lý xây dựng cơ bản.

Nhiệm vụ:

Lập báo cáo đầu tư và báo cáo kinh tế kỹ thuật cho các dự án:

- Tổ chức thu thập, tìm hiểu thông tin xây dựng các dự án đầu tư.
- Lập các dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng,...
- Hoàn chỉnh các thủ tục pháp lý liên quan.
- Theo dõi quá trình phê duyệt hồ sơ dự án.

Điều hành dự án:

- Tổ chức thực hiện các dự án đã được phê duyệt: kêu gọi nhà đầu tư, tổ chức đấu thầu, tổ chức mở thầu.
- Tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát việc triển khai dự án của các nhà đầu tư.
- Giám sát hoạt động thi công của Xí nghiệp, Đội xây dựng trực thuộc Công ty.
- Tổ chức tham gia đấu thầu và triển khai thi công công trình khi trúng thầu.



- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.

Quản lý xây dựng cơ bản:

- Tham mưu cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc về công tác sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn các công trình xây dựng và kiến trúc của Công ty.
- Tham gia thực hiện đấu thầu, mời thầu.
- Quản lý thiết kế công trình.
- Giám sát công trình.

3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẴM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY TẠI THỜI ĐIỂM 30/06/2007

Tính đến thời điểm ngày 30/06/2007, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty:

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
1.	Nhà nước - Công ty phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa	6.834.000	68.340.000.000	77,36%
2	Công ty Cổ phần chứng khoán Đại Việt	1.397.320	13.973.200.000	15,82%
	Tổng cộng	8.231.320	82.313.200.000	93,18%

Nguồn: DNC

4. CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000281 đăng ký lần đầu ngày 29/09/2005 và đăng ký thay đổi, cấp lại lần 1 ngày 12/01/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, danh sách cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nhà nước	6.834.000	77,36%
2	Người lao động trong Công ty	259.400	2,94%
3	Công ty cổ phần Việt Âu*	1.397.320	15,82%
4	Các cổ đông khác	343.280	3,88%
	Tổng cộng	8.834.000	100%

Nguồn: DNC

* Hiện tại Cổ phần của Công ty CP Việt Âu đã chuyển nhượng cho Công ty cổ phần chứng khoán Đại Việt

5. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN

5.1. Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
1.	Nhà nước - Công ty phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa	6.834.000	68.340.000.000	77,36%
	Tổng cộng			

Nguồn: DNC

5.2. Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
1.	Công ty TNHH Xi măng Bửu Long		5.000.000.000	33,33%
2.	Công ty TNHH Cát Hoàng		3.000.000.000	50%
	Tổng cộng			

Nguồn: DNC

6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Các nhóm sản phẩm chính của Công ty

Hiện tại, Công ty đang sản xuất các mặt hàng chủ yếu là bê tông trộn, kinh doanh nhà, gạch ngói nung, san lấp mặt bằng và khai thác cát, đá, đất các loại. Trước đây, khai thác cát là một sản phẩm mang lại lợi nhuận cao nhất trong Công ty. Tuy nhiên, trong năm 2006, Công ty đã hết hạn khai thác cát trên sông Đồng Nai và hiện tại chỉ còn liên doanh với Công ty TNHH Hoàng Linh để thành lập Công ty liên doanh Cát Hoàng, đây là mỏ cát có trữ lượng lớn và trong tương lai, công việc này sẽ mang lại nguồn thu nhập cao cho Công ty.

Các sản phẩm còn lại như sản xuất bê tông trộn, kinh doanh nhà, san lấp mặt bằng sản xuất gạch ngói nung cũng đều là thế mạnh của Công ty và được đầu tư với trình độ công nghệ hiện đại.

Ngoài ra, tương lai mỏ đá Tân Cang, diện tích 25ha, được cấp phép đi vào hoạt động thì đây sẽ là một mặt hàng chủ lực của Công ty và có thể mang lại một khoản lợi nhuận cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

HÌNH ẢNH MỘT SỐ SẢN PHẨM TIÊU BIỂU CỦA DNC

Các sản phẩm sản xuất bê tông tròn



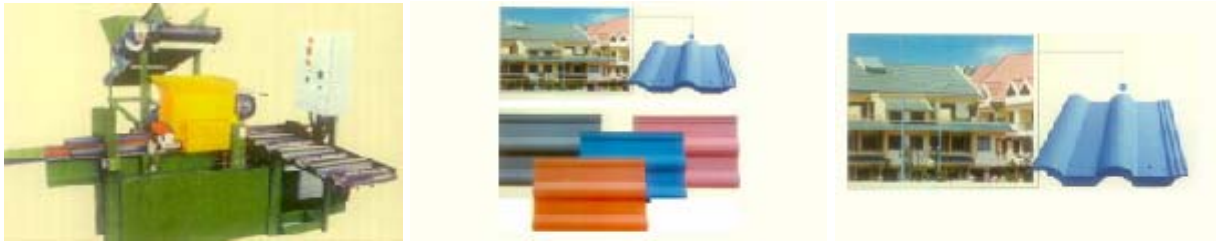
Các sản phẩm từ gạch



Các sản phẩm kinh doanh nhà



Các sản phẩm từ ngói



6.2 Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm

a. Doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm qua các năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Khoản mục	Năm 2005		Năm 2006		30/06/2007	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Bê tông	40.609.238	46,64	37.308.109	33,39	21.760.734	37,00
Khai thác cát	7.265.932	8,35	2.939.507	2,63	-	-
SX gạch ngói nung	9.205.494	10,57	10.446.296	9,35	7.449.112	12,67
DV kinh doanh khác	13.085.498	15,03	15.578.889	13,95	7.878.492	13,40
Kinh doanh nhà	16.899.023	19,41	45.446.262	40,68	5.421.382	9,22
San lấp mặt bằng	-	-	-	-	16.293.108	27,71
Tổng doanh thu	87.065.185	100	111.719.063	100	58.802.828	100

Nguồn: DNC

b. Lợi nhuận thuần từng nhóm sản phẩm qua các năm

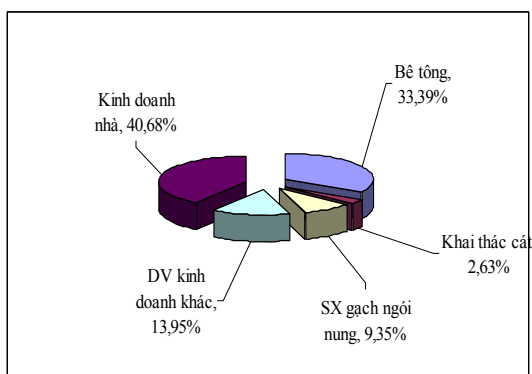
Đơn vị tính: ngàn đồng

Khoản mục	Năm 2005*		Năm 2006		30/06/2007	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
SX bê tông	-1.257.557	-56,33	-414.564	-3,65	1.160,701	20,65
Khai thác cát	605.071	27,10	570.721	5,03	-	-
Sản xuất gạch, ngói	-1.099.398	-49,25	285.292	2,51	422,090	7,50
Dịch vụ, KD khác	1.942.666	87,02	1.573.971	13,88	1.283,805	22,84
Kinh doanh nhà	2.041.550	91,46	9.327.606	82,23	1.833,675	32,62
San lấp mặt bằng	-	-	-	-	921,453	16,39
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.232.332	100	11.343.027	100	5.621,724	100

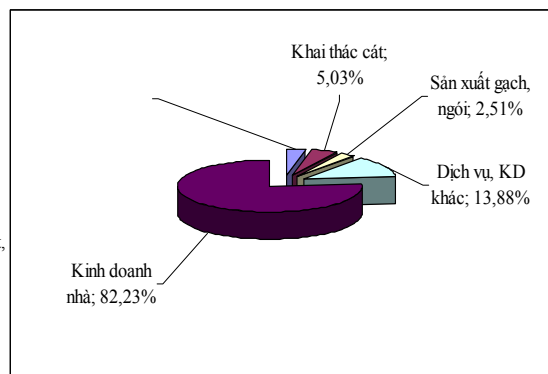
Nguồn: DNC

* Lưu ý: Công ty bắt đầu đi vào hoạt động với hình thức Công ty cổ phần từ tháng 10/2005

Cơ cấu doanh thu năm 2006



Cơ cấu lợi nhuận năm 2006



Nguồn: DNC

6.3. Nguyên vật liệu

a. Nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu chính trong sản xuất kinh doanh của Công ty là xi măng, cát, đá... được cung cấp bởi những công ty có uy tín. Ngoài ra, Công ty cũng chính là nhà cung cấp các mặt hàng này và đặc biệt là một số mặt hàng Công ty tự khai thác như đất, cát, đá... dùng trong sản xuất và tiêu thụ. Các mỏ đá, cát, đất của Công ty có trữ lượng lớn và thời hạn khai thác dài.

Đối với những nguyên liệu dùng trong sản xuất ngói màu, Công ty cũng đã nhập nguyên vật liệu từ nước ngoài.

Với mục tiêu là luôn đảm bảo các nguồn nguyên liệu cho quá trình sản xuất kinh doanh của mình, do đó, Công ty đã lựa chọn một số nhà cung cấp nguyên liệu có uy tín để cung cấp nguyên liệu cho mình.

DANH SÁCH MỘT SỐ NHÀ CUNG CẤP NGUYÊN LIỆU CHÍNH CHO CÔNG TY

STT	NGUYÊN LIỆU	TÊN NHÀ CUNG CẤP	XUẤT XỨ (QUỐC GIA)
1	Dầu Do	Công ty TNHH Bình An	Việt nam
2	Đá, cát	DNTN Bích Liên	"
3	Xi măng	DNTN Tân Xuân Anh (nhà phân phối xi măng Holcim, Nghi sơn)	"
4	Cát	DNTN Xuân Kha	"
5	Đá, cát	Công ty TNHH xây dựng Đại Nghĩa	"
6	Hoá chất	Công ty TNHH Hoá chất Basf Việt nam	"
7	Bột màu	Công ty TNHH sản xuất – thương mại – dịch vụ Phúc Lộc Thọ	"

Nguồn: DNC

b. Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Với những nguyên liệu chính mà Công ty dùng trong sản xuất đều là những nguyên liệu được sản xuất và cung cấp tại chỗ và một số ít được nhập từ nước ngoài. Do đó, nhìn chung, nguồn nguyên liệu dùng trong sản xuất của Công ty là tương đối ổn định. Một lợi thế rất lớn nữa là Công ty cũng chính là nhà khai thác và cung cấp các nguyên liệu này nên có thể nói, nguồn nguyên liệu đầu vào là không đáng ngại đối với Công ty và luôn được cung cấp ổn định.

Mặt khác, là một đơn vị có uy tín trong giao dịch thanh toán, do đó, đây cũng có thể xem là một yếu tố quyết định, được các nhà cung cấp đánh giá cao và là một trong những lý do làm cho nguồn cung cấp nguyên liệu của Công ty ở tình trạng luôn ổn định.

c. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Trong thời gian qua, chỉ số giá tiêu dùng tăng cao do đó, kéo theo giá các mặt hàng tăng mạnh. Trong đó, giá cả nguyên vật liệu dùng trong ngành xây dựng như xi măng, cát, đá và một số nguyên liệu khác tăng tương đối lớn từ 3-30%.

Là một Công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư xây dựng và kinh doanh vật liệu nên việc tăng giá các mặt hàng trên đã ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, với lợi thế là một công ty chuyên khai thác cát, đá, đất và liên doanh sản xuất xi măng nên Công ty cũng đã chủ động được nguồn nguyên vật liệu. Điều này đã hạn chế việc biến động giá một số mặt hàng và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

6.4. Chi phí sản xuất

Đơn vị tính: ngàn đồng

Chi phí	Năm 2005		Năm 2006		30/06/2007	
	Giá trị	%/DT thuần	Giá trị	%/DT thuần	Giá trị	%/DT thuần
Giá vốn hàng bán	78.123.120	89,72	95.595.236	85,57	50.730.589	86,27
Chi phí bán hàng	1.805.015	2,07	912.165	0,82	484.914	0,82
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.418.310	6,22	4.994.665	4,47	2.624.596	4,46
Chi phí hoạt động tài chính	513.593	0,59	1.808	-	-	-
Tổng cộng	85.860.038	98,60	101.503.875	90,86	53.840.099	91,55

Nguồn: DNC

Sau khi chuyển sang hoạt động với hình thức công ty cổ phần, hiệu quả kinh doanh của Công ty đã nâng lên rõ rệt. Tổng chi phí từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã giảm từ 98,60%/doanh thu năm 2005 còn 90,86%/doanh thu trong năm 2006. Như vậy, Công ty đã kiểm soát tốt chi phí đầu vào và đây có thể được xem là tỷ suất lợi nhuận cao đối với một công ty đầu tư bên lĩnh vực này.

6.5. Trình độ công nghệ

Hiện tại, Công ty đang sử dụng các quy trình sản xuất với công nghệ hiện đại, phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2000.

Là sản phẩm không những phải đảm bảo tính mỹ thuật và an toàn tuyệt đối cho người sử dụng như: bê tông, gạch nung, ngói màu các loại và các sản phẩm khai thác, Công ty đã đầu tư cho mình một hệ thống công nghệ hiện đại được nhập từ các nước có nền công nghiệp tiên tiến như Ý, Đức...

Ngoài những công nghệ hiện đại trên, Công ty còn có đội ngũ nhân viên kỹ thuật lành nghề để vận dụng công nghệ một cách hiệu quả nhất. Do đó, nâng cao được giá trị công nghệ mà Công ty đã đưa vào sử dụng.

MỘT SỐ MÁY MÓC THIẾT BỊ CÓ TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ CAO

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên	Nguyên giá	Giá trị còn lại (30/06/2007)
1	Trạm trộn bê tông	4.150.873.000	-
2	Xe trộn bê tông (14 chiếc)	4.380.442.472	1.657.991.009
3	Xe bơm di động	3.888.769.000	433.352.538
4	Bơm cố định	1.674.663.000	88.385.001
5	Cần cẩu xà lan	2.717.724.000	203.829.300
6	Cần cẩu bờ (2 chiếc)	810.456.666	164.487.962
7	Máy nghiền xa luân	465.189.093	227.902.120
8	Máy nhào ép chân không	325.632.266	159.531.434
9	Xe gòong	608.059.001	317.230.383
10	Lò nung	1.596.223.693	782.010.560
11	Hầm sấy gạch	1.596.223.692	782.010.559
12	Hệ thống cấp thoát nước	556.205.000	370.949.962
13	Máy trộn	773.422.222	531.727.783
14	Máy đùn	572.290.687	393.449.857
15	Máy tách khuôn bôi dầu tự động	353.534.473	243.054.943
16	Máy quét vữa màu hai lớp	495.973.000	340.981.450
	Tổng cộng	24.965.681.265	6.696.894.861

Nguồn: DNC

6.6. Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Doanh thu và lợi nhuận của Công ty trước đây phụ thuộc vào khai thác cát, do đó, công việc nghiên cứu và phát triển chưa được đầu tư đúng mức.

Từ khi chuyển sang hoạt động với hình thức Công ty cổ phần, chiến lược sản xuất kinh doanh cũng đã thay đổi so với trước. Và đặc biệt, trong thời điểm cạnh tranh gay gắt như hiện nay, việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới được Công ty chú trọng để nắm bắt nhu cầu thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh của mình.

Công việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới hiện do Phòng kinh doanh thực hiện với sự chỉ đạo sát sao của Ban Tổng giám đốc. Tuy nhiên, trong tương lai, bộ phận này sẽ tách ra riêng biệt và thực hiện các nhiệm vụ và chức năng do Ban tổng giám đốc giao phó. Đây sẽ là một bộ phận chủ lực để giúp Công ty nắm bắt được nhu cầu thị trường, tạo ra những sản phẩm mới thu hút sự chú ý của khách hàng và tạo đà cho Công ty tăng trưởng và phát triển bền vững.

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

Là một Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác, đầu tư xây dựng và vật liệu, là những sản phẩm ảnh hưởng trực tiếp tới môi trường và mỹ thuật và với phương châm, chất lượng sản phẩm là những yếu tố sống còn để Công ty tồn tại và phát triển, do đó, chất lượng sản phẩm là tiêu chí hàng đầu mà Công ty đặt ra để phục vụ cho khách hàng.

Với tiêu chí đó, chất lượng đầu vào, đầu ra của Công ty luôn quy định nghiêm ngặt theo đúng tiêu chuẩn mà Công ty đã được cấp giấy chứng nhận, luôn tuyển chọn và đào tạo ra những nhân viên có trình độ cao để đáp ứng điều kiện hội nhập và sử dụng thành thạo công nghệ mới trong sản xuất và kinh doanh. Ngoài ra, Công ty cũng không ngừng đổi mới phương thức quản lý, tiếp tục hoàn thiện và cải tiến hệ thống kiểm tra chất lượng để nâng cao uy tín và tăng khả năng cạnh tranh.

6.8. Hoạt động Marketing

Marketing là một trong những yếu tố làm tăng khả năng cạnh tranh và nâng cao hiệu quả hoạt động cho bất kỳ một tổ chức nào. Trong thời gian qua, hoạt động của Công ty do Phòng kinh doanh đảm trách, tuy bộ phận này cũng đã đưa ra những phương hướng hoạt động và nghiên cứu nhưng điều này vẫn chưa được quan tâm đúng mức.

Hiện tại, Công ty đang có hướng thành lập Phòng marketing riêng và hướng tới những mục tiêu cao hơn. Đó là:

- Xây dựng một kế hoạch kinh doanh đồng nhất cho toàn bộ hệ thống của Công ty;

- Triển khai và đào tạo các cán bộ nhân viên thành những nhà marketing chuyên nghiệp và hướng tới mỗi nhân viên là một thương hiệu đích thực của Công ty;
- Tham gia tài trợ các chương trình từ thiện để thương hiệu của Công ty ngày càng gần gũi với mọi người;
- Đầu tư vào việc nghiên cứu thị trường, nghiên cứu hoạt động kinh doanh của các đối thủ để đưa ra một chính sách kinh doanh hợp lý cho Công ty;
- Xây dựng nhóm khách hàng mục tiêu nhằm nâng cao hiệu quả trong kinh doanh cũng như đưa ra những sản phẩm phù hợp với khách hàng mục tiêu đó;
- Tích cực tham gia vào hội chợ triển lãm, quảng bá những hình ảnh về sản phẩm của mình trên internet, website của Công ty và một số hoạt động quảng bá khác.

Với mục tiêu chất lượng sản phẩm luôn đi kèm với dịch vụ tốt nhất cùng với những định hướng mang tính lâu dài, điều này sẽ tạo nên vị thế mới và phát triển bền vững hơn cho Công ty trong tương lai.

6.9. Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ



- Logo:

Hiện tại, Công ty đã lập hồ sơ đăng ký bảo hộ với cục sở hữu trí tuệ.

6.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Tên đối tác	Nội dung	Giá trị hợp đồng
1	007/HĐ/LHC/KT	14/08/2006	Công ty CP Long Hậu	Thi công san lấp Công trình	3.226,000
2	010/HĐ/LHC/KT	15/09/2006	Công ty CP Long Hậu	Thi công san lấp Công trình	4.548,230
3	55/SXKD	03/10/2006	Công ty CPXDCT Giao thông 610	Chuyển nhượng mỏ đá	10.225,000
4	BBTT/01	18/12/2006	Ông Zhang, Genfeng	Lập dự án đầu tư, thi công cơ sở hạ tầng KCN	5.000,000
5	BBTT/02	18/12/2006	CTy TNHH Omexay handicraft	Lập dự án đầu tư, thi công cơ sở hạ tầng KCN	5.000,000

STT	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Tên đối tác	Nội dung	Giá trị hợp đồng
6	BBTT/03	18/12/2006	Ông Ye, Shauang Wei	Lập dự án đầu tư, thi công cơ sở hạ tầng KCN	3.500,000
7	BBTT/04	18/12/2006	Ông Chen, Hong Guo	Lập dự án đầu tư, thi công cơ sở hạ tầng KCN	3.500,000
8	BBTT/05	18/12/2006	Ông Gan Ling Ling	Lập dự án đầu tư, thi công cơ sở hạ tầng KCN	3.500,000
9	BBTT/06	18/12/2006	Cty TNHH Hung yangart ware products	Lập dự án đầu tư, thi công cơ sở hạ tầng KCN	5.000,000
10	BBTT/07	18/12/2006	CTy TNHH omexay enterprise	Lập dự án đầu tư, thi công cơ sở hạ tầng KCN	4.475,000
11	BBTT/08	18/12/2006	Cty TNHH four seas trade enterprise	Lập dự án đầu tư, thi công cơ sở hạ tầng KCN	5.000,000
12	BBTT/09	18/12/2006	CTy TNHH time pacific Ltd	Lập dự án đầu tư, thi công cơ sở hạ tầng KCN	5.000,000
13	BBTT/10	18/12/2006	Cty TNHH Powerite Woods	Lập dự án đầu tư, thi công cơ sở hạ tầng KCN	5.000,000
14	BBTT/11	18/12/2006	Cty TNHH Long thành việt	Lập dự án đầu tư, thi công cơ sở hạ tầng KCN	3.300,000
15	BBTT/12	18/12/2006	Ông Nguyễn Văn Sương	Lập dự án đầu tư, thi công cơ sở hạ tầng KCN	2.750,000
16	01/HĐLD/2007	19/01/2007	Công ty CP Hoàng Linh	Góp vốn liên doanh mở cát	4.000,000
17	28/HĐ/NT1/BĐH	24/07/2007	Tổng công ty XD số 1	Thi công san lấp Công trình NM điện	4.754,000

Nguồn: DNC

7. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 02 NĂM GẦN NHẤT

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2005, 2006 và 9 tháng đầu năm 2007

Đơn vị tính: ngàn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	30/09/2007
Tổng tài sản	135.962.850	131.580.301	121.654.129
Doanh thu thuần	87.065.185	111.719.063	84.172.321
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	2.232.331	11.343.027	9.570.728
Lợi nhuận khác	2.322.098	(117.959)	73.850

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	30/09/2007
Lợi nhuận trước thuế	4.554.429	11.225.068	9.644.578
Lợi nhuận sau thuế	3.887.241	11.225.068 (*)	9.644.578

Nguồn: DNC

(*) : Số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn nộp năm 2006 là 3.143.019 đồng được bổ sung Quỹ Đầu tư phát triển của Công ty.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2006

Các nhân tố chính tác động đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2006:

Thuận lợi

- Cùng với xu hướng phát triển cao của nền kinh tế, điều này cũng đã kéo theo sự phát triển của Công ty.
- Nguồn vốn Công ty đủ đảm bảo cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hiện tại và phát triển các dự án đầu tư mới.
- Công ty có nhiều quan hệ tốt và nhiều kinh nghiệm trong hoạt động khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn Đồng Nai và khu vực.
- Đồng Nai là một tỉnh đang phát triển mạnh, đời sống người dân tại địa phương đã nâng cao và ngày càng có nhiều người dân muốn tới sinh sống tại đây nên tình hình kinh doanh bất động sản của Công ty đã phát triển đáng kể, góp phần làm tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.
- Sau khi chuyển sang hoạt động với hình thức Công ty cổ phần, DNC đã thay đổi phương thức quản lý, nâng cao tinh thần trách nhiệm của mỗi nhân viên trong Công ty. Do đó, hiệu quả của Công ty đã tăng lên đáng kể.
- Công ty biết tận dụng và khai thác tối đa lợi thế kinh doanh của mình, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả trong kinh doanh.
- Cùng với sự phát triển cao của khu vực tỉnh Đồng Nai và các tỉnh lân cận, nhu cầu phát triển hạ tầng cơ sở cũng đã tăng. Với một Công ty có bề dày thành tích trong đầu tư xây dựng, khai thác cát, đá... nên doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tăng vọt trong năm qua.
- Sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Công ty mẹ - Công ty phát triển Khu công nghiệp Biên Hoà, từ UBND, các sở Ngành tỉnh Đồng Nai, do đó, tạo một cú hích cho Công ty tăng trưởng và phát triển.

Khó khăn

- Là một Công ty đầu tư xây dựng, do đó, sự biến động giá cả nguyên vật liệu trong thời gian qua đã ảnh hưởng tới lợi nhuận của Công ty.
- Sự cạnh tranh gay gắt về giá giữa các doanh nghiệp sản xuất trong nước, doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
- Những quy định khắc khe về vệ sinh môi trường cũng làm tăng chi phí cho Công ty.
- Nguồn khai thác khoáng sản (cát) bị hạn chế do giấy phép khai thác cát trên sông Đồng Nai hết hạn.

8. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Là một Công ty hoạt động nhiều năm trong lĩnh vực khai thác cát, đá, đất, đầu tư trong lĩnh vực xây dựng và vật liệu, tới nay, Công ty cũng đã tạo cho mình một uy tín trên thị trường do chất lượng sản phẩm và dịch vụ luôn đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

Với phương châm lấy chất lượng sản phẩm và phương thức phục vụ tốt là mục tiêu kinh doanh của mình, do đó, trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của mình, Công ty luôn ứng dụng công nghệ hiện đại được sản xuất tại những nước có trình độ công nghệ phát triển như Đức, Ý... cũng như có sự mềm mại và linh hoạt trong chính sách khách hàng. Chính vì vậy, các sản phẩm đầu ra của Công ty luôn đáp ứng theo đúng tiêu chuẩn chất lượng mà Công ty đã đăng ký và luôn làm cho khách hàng có một sự hài lòng nhất định.

Ngoài ra, với lợi thế là một Công ty chuyên khai thác cát, đá, đất và sản xuất các mặt hàng như gạch, ngói, liên doanh sản xuất xi măng... nên việc nhận thầu trọn gói trong thi công san lấp mặt bằng, xây dựng và kinh doanh nhà, sản xuất bê tông... đã kiểm soát được chi phí đầu vào, ít phụ thuộc vào sự biến động về giá cả một số mặt hàng. Điều này cũng đã làm tăng tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây có thể được xem là một lợi thế rất lớn của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của mình.

Thêm vào đó, việc Công ty đang đẩy mạnh khai thác các mỏ đá, đất, cát... cũng làm cho hiệu quả kinh doanh Công ty tăng lên rất nhiều vì các mặt hàng khai thác cát, đá, đất là những mặt hàng có lợi nhuận biên tương đối cao.

Cuối cùng, với sự hậu thuẫn từ Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai, là công ty con của Công ty phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa – một công ty chuyên thực hiện các dự án lớn liên quan đến các Khu công nghiệp, do đó, thị phần của Công ty luôn ổn định và lợi thế hơn rất nhiều so với các doanh nghiệp khác.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn tăng trưởng mạnh, GDP hàng năm tăng trên 8%, trong năm 2007, dự kiến GDP tăng 8,5%. Với những chính sách ngày càng thông thoáng cộng với những điều kiện thuận lợi hiện có, và theo dự báo của một số chuyên gia trong và ngoài nước, tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm trong những năm tới đạt trên 8% là hoàn toàn có thể xảy ra.

Để chứng minh điều này, chúng ta thấy rằng, sau khi Việt Nam là thành viên thứ 150 của WTO, các nhà đầu tư nước ngoài xem Việt Nam là điểm đến đầu tư lý tưởng, vượt xa các nước trong khu vực.

Theo thông tin từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong 8 tháng đầu năm nay, Việt Nam đã thu hút thêm 8,3 tỷ USD vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Như vậy, tính bình quân trong 8 tháng đầu năm 2007, số vốn FDI đạt bình quân hơn 1 tỷ USD/tháng, tăng gần 40% cùng kỳ năm ngoái.

Cũng theo thông tin từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hiện có gần 50 dự án với tổng số vốn đăng ký lên đến 50 tỷ USD đang xúc tiến đầu tư vào Việt Nam. Với đà trên, theo dự báo, thu hút FDI vào Việt Nam trong năm nay có thể sẽ sớm hoàn thành mục tiêu 12 tỷ USD và hướng tới con số 13,5 tỷ USD.

Nếu xét riêng cụm Khu công nghiệp trọng điểm phía Nam, Đồng Nai – Bà Rịa Vũng Tàu – TP.HCM – Bình Dương, đây là cụm Khu công nghiệp thu hút FDI cũng như phát triển nhất cả nước. Tốc độ phát triển bình quân hơn 15%/năm.

Theo tổng kết ngành xây dựng năm 2006 tại Đồng Nai, giá trị sản lượng xây lắp đạt 2.725 tỷ đồng đạt 170,31%, giá trị sản lượng vật liệu xây dựng của địa phương thực hiện được 900 tỷ đồng đạt 105,88%, toàn tỉnh cũng đã có hơn 222 dự án phát triển nhà ở được triển khai, nâng quỹ nhà ở lên tới 33,09 triệu m² đạt bình quân 14,69m²/người. Ngoài ra, theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 28/09/2006 về việc quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đề ra rằng, mức tăng trưởng kinh tế giai đoạn 5 năm cao gấp 1,3-1,4 lần mức bình quân chung của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Giai đoạn 2006 – 2010 là từ 14 – 14,5%, giai đoạn 2011 – 2015 là từ 14,5-15%, giai đoạn từ 2015 – 2020 là từ 13,5-14%. Đây là mức chỉ tiêu đề ra khá cao. Tuy nhiên, nhìn lại chặng đường phát triển của tỉnh Đồng Nai, trong giai đoạn 1996 – 2005, sản xuất công nghiệp toàn tỉnh tăng trưởng bình quân hàng

năm khoảng 20% thì chúng ta có thể nhìn nhận rằng, với chỉ tiêu đề ra đó, tỉnh Đồng Nai có khả năng thực hiện được.

Như vậy, với sự phát triển cao của kinh tế cả nước nói chung và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói riêng cũng như những mục tiêu phát triển kinh tế đã đề ra của tỉnh Đồng Nai, chúng ta có thể nhận thấy rằng, đây là điều kiện rất tốt để cho ngành đầu tư xây dựng, khai thác cát, đá, đất và một số ngành phục vụ cho phát triển cơ sở hạ tầng sẽ có bước phát triển tốt trong tương lai không xa.

9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm ngày 30/06/2007, tổng số lao động của Công ty là 297 người.

CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN CHIA THEO TRÌNH ĐỘ

TIÊU CHÍ	31/12/2006	30/06/2007
A. Phân theo trình độ lao động:	257	297
- Trên Đại học, Đại học	27	37
- Cao đẳng	10	10
- Trung cấp, công nhân kỹ thuật	60	70
- Phổ thông trung học	160	180
B. Phân theo hợp đồng lao động	257	297
- Hợp đồng không xác định thời hạn	140	160
- Hợp đồng từ 1 – 3 năm	78	90
- Hợp đồng dưới 1 năm	39	47

Nguồn: DNC

Như vậy, so với cuối năm 2006, tính đến ngày 30/06/2007 thì số lượng lao động trong Công ty đã tăng lên 40 người, trong đó trình độ trên đại học và đại học tăng 10 người. Điều này cho thấy, hiện tại Công ty đang trong giai đoạn tăng trưởng và tiếp tục chuẩn bị nguồn lực để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

9.2. Chính sách đối với người lao động

Nguồn nhân lực là một trong những tài sản quý giá của Công ty. Chính vì vậy, Công ty luôn có những chính sách cũng như có những chiến lược về nhân sự nhằm mục đích mang lại hiệu quả cao nhất cho quá trình sản xuất và kinh doanh của Công ty.

a. Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc theo Luật Lao động và các quy định của Pháp luật.

Về điều kiện làm việc: văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế kang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

b. Chính sách lương, thưởng, trợ cấp cho người lao động

▪ **Chính sách lương, thưởng:**

Công ty luôn có chính sách lương, thưởng hấp dẫn để giữ chân người lao động. Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2006 là 2,37 triệu đồng/người/tháng. Đây là một mức lương tương đối so với mức thu nhập bình quân các công ty cùng ngành trong khu vực.

Đặc biệt, Công ty có chế độ thưởng rất hấp dẫn cho những sáng kiến, cải tiến, giải pháp hữu ích của các cá nhân hay tập thể tùy theo hiệu quả kinh tế mà sáng kiến đem lại.

▪ **Chính sách trợ cấp:**

Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động ở Công ty còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động của Công ty. Các chế độ bảo hiểm như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm sinh mạng cho người lao động được Công ty thực hiện tốt.

10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của những năm tiếp theo.

11. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng năm 2005 là năm đầu tiên Công ty hoạt động theo hình thức công ty cổ phần nên năm tài chính bắt đầu vào ngày 01/10/2005 và kết thúc vào ngày

31/12/2005. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a. Trích khấu hao tài sản cố định

- Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Thời gian khấu hao áp dụng cho các loại tài sản tại Công ty như sau:
 - Nhà cửa, vật kiến trúc : 05 - 20 năm
 - Máy móc, thiết bị : 03 - 10 năm
 - Phương tiện vận chuyển, truyền dẫn : 05 - 15 năm
 - Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý : 05 - 08 năm
 - Tài sản cố định hữu hình khác : 08 – 20 năm
 - Phần mềm trạm trộn : 08 năm
 - Chi phí chuyển giao công nghệ nhà máy gạch: 08 năm
 - Chi phí chuyển giao công nghệ gạch màu: 08 năm
 - Phần mềm quản lý nhân sự: 08 năm

b. Mức lương bình quân

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	30/06/ 2007
1	Tổng quỹ lương	8.153.699	7.672.252	3.582.076
2	Thu nhập bình quân của người lao động/tháng	2.260	2.370	2.210

Nguồn: DNC

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các Báo cáo kiểm toán năm 2005 - 2006, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

d. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế khác theo đúng quy định của Nhà nước.

e. Trích lập các quỹ

Sau khi kết thúc niên độ tài chính, Công ty tiến hành trích lập các quỹ trên cơ sở từ lợi nhuận sau thuế đạt được. Các quỹ như: Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ dự phòng tài chính; Quỹ khen thưởng; phúc lợi.

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty. Trước khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc bổ sung vốn điều lệ, Công ty tạm thời sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

Quỹ dự phòng tài chính dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2006

Chỉ tiêu	Tỷ lệ so với LNST
Quỹ đầu tư phát triển	28%
Quỹ dự phòng tài chính	5%
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	10%
Tổng cộng	

Nguồn: DNC

f. Tổng dư nợ vay ngân hàng

Hiện tại, Công ty không sử dụng nợ vay ngân hàng.

g. Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2005		Năm 2006		30/06/2007	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Phải thu của khách hàng	22.344.771	4.721.425	31.899.425	5.118.153	25.249.887	4.404.325
Trả trước cho người bán	6.566.531	-	8.301.773	-	14.070.319	-
Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	-	-	-
Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-
Phải thu khác	516.486	-	109.665	-	138.367	-
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	29.427.788	4.721.425	40.310.863	5.118.153	39.458.573	4.404.325

Nguồn: DNC

- Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2005		Năm 2006		30/06/2007	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
I. Nợ ngắn hạn	46.503.088	-	31.327.972	-	19.287.568	-
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Phải trả cho người bán	6.076.231	-	12.318.021	-	7.956.916	-
Người mua trả tiền trước	33.297.631	-	15.608.284	-	8.029.146	-
Các khoản thuế phải nộp	325.160	-	126.667	-	179.218	-
Phải trả CB CNV	1.399.319	-	2.130.174	-	1.679.991	-
Chi phí phải trả	546.029	-	610.337	-	655.699	-
Phải trả nội bộ	-	-	-	-	-	-
Phải trả phải nộp khác	4.858.715	-	534.487	-	786.598	-
II. Nợ dài hạn	65.719	-	60.656	-	60.656	-
Nợ dài hạn khác	-	-	-	-	-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	65.719	-	60.656	-	60.656	-
Tổng cộng	46.568.808	-	31.388.629	-	19.348.224	-

Nguồn: DNC

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	2,15	3,11
	- Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,97	1,54
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)		
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,34	0,24
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,52	0,32
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)		
	- Vòng quay tổng tài sản	0,64	0,85

STT	Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006
	- Vòng quay TSCĐ	1,85	2,26
	- Vòng quay vốn lưu động	0,87	1,15
	- Vòng quay các khoản phải thu	3,01	2,77
	- Vòng quay các khoản phải trả	1,87	3,56
	- Vòng quay hàng tồn kho	1,58	2,27
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi (%)		
	- Hệ số LN sau thuế/DT thuần	4,46%	10,05%(*)
	- Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	4,36%	11,21%(*)
	- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	2,86%	8,53%(*)
	- Hệ số LN từ hoạt động SXKD/DT thuần	2,56%	10,15%

Nguồn: DNC

(*): Năm 2006 Công ty được miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ việc cổ phần hoá chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

Giải trình ý kiến loại trừ trong Báo cáo kiểm toán năm 2005, 2006:

Đối với khoản ngoại trừ khoản nợ phải thu khó đòi

- Đến ngày 31/12/2005, tổng các khoản nợ phải thu khó đòi có giá trị 4,72 và chủ yếu phát sinh từ trước khi chuyển đổi sang công ty cổ phần
- Đến ngày 31/12/2006, tổng số nợ phải thu khó đòi là 5,11 tỷ đồng. Trong đó, nợ khó đòi phát sinh từ năm 2005 là 4,23 tỷ đồng (sau khi đã trừ số tiền được thu hồi trong năm 2006 là 0,49 tỷ đồng) và phát sinh thêm trong năm 2006 là 0,88 tỷ đồng.
- Tính tới ngày 30/10/2007, Công ty đã thu hồi được 1,36 tỷ đồng, còn lại 3,75 tỷ đồng. Trong đó, Công ty đã chuyển hồ sơ sang tòa án giải quyết là 3,58 tỷ đồng, chưa khởi kiện tại tòa án là 0,17 tỷ đồng
- Nếu Công ty trích lập dự phòng theo đúng quy định của Pháp luật, khoản trích lập này được tính sẽ là: 3,58 tỷ đồng. Như vậy, lợi nhuận trong năm 2006 của Công ty giảm đi 3,58 tỷ đồng.

Đối với khoản ngoại trừ doanh thu và giá vốn kinh doanh nhà

- Trong quý 4 năm 2005, Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn tương ứng là 1,75 tỷ đồng và 1,29 tỷ đồng mặc dù biên bản bàn giao nhà hoặc nền nhà được khách hàng xác nhận trong năm 2006. Như vậy, doanh thu và giá vốn tương ứng nêu là kết quả của hoạt động kinh doanh năm 2006. Do đó, lợi nhuận của năm 2005 sẽ đi giảm một khoản 0,46 tỷ đồng và lợi nhuận của năm 2006 sẽ tăng lên một khoản tương ứng.
- Trong năm 2006, Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn tương ứng là 22,74 tỷ đồng và 16,47 tỷ đồng mặc dù chưa có biên bản bàn giao nhà hoặc nền nhà (Công ty chỉ phát hành hóa đơn tài chính). Đến thời điểm kiểm toán báo cáo tài chính năm 2006, Công ty chưa bổ sung được biên bản bàn giao này.
- Căn cứ theo chứng từ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam, một khoản doanh thu và giá vốn tương ứng là 16,92 tỷ đồng và 12,03 tỷ đồng có biên bản bàn giao nhà hoặc nền nhà được ký trong thời điểm 2006; còn lại một khoản doanh thu và giá vốn tương ứng là 5,82 tỷ đồng và 4,44 tỷ đồng được ký trong năm 2007. Công ty giải thích: mặc dù biên bản được ký trong năm 2006 nhưng do khách hàng ở xa nên không thu hồi kịp đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán năm 2006. Tuy nhiên, đến ngày 31/10/2007, toàn bộ biên bản này đã được Công ty đã bổ sung đầy đủ.
- Nếu ngoại trừ toàn bộ khoản doanh thu và giá vốn kinh doanh nhà năm 2006 được khách hàng ký biên bản bàn giao trong năm 2007 thì lợi nhuận năm 2006 của Công ty sẽ giảm 1,38 tỷ đồng (5,82 tỷ – 4,44 tỷ).

Như vậy, nếu Công ty trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi và loại trừ lợi nhuận kinh doanh nhà năm 2006 nhưng được khách hàng ký xác nhận trong năm 2007 thì lợi nhuận trước thuế năm 2006 là 6,73 tỷ đồng

12. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

a. Chủ tịch HĐQT – Ông Nguyễn Hữu Thực

1. Họ và tên: Nguyễn Hữu Thực
2. Giới tính: nam
3. Ngày tháng năm sinh: 17/10/1956
4. Nơi sinh: Xã Thạch Đà- Mê Linh- Vĩnh Phúc
5. Số chứng minh nhân dân/hộ chiếu: 270640477



6. Ngày cấp: 27/05/2002
7. Nơi cấp : Đồng Nai
8. Quốc tịch: Việt Nam
9. Dân tộc: Kinh
10. Quê quán: Xã Thạch Đà- Mê Linh - Vĩnh Phúc
11. Địa chỉ thường trú: E1- Cư xá XL1- KP6- P. Tân Tiến- Biên Hoà- Đồng Nai.
12. ĐT liên lạc ở cơ quan: 061.3 831 998
13. Trình độ văn hóa: 10/10
14. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vật liệu Xây dựng, Thạc sĩ quản trị kinh doanh
15. Quá trình công tác:

Thời gian

Chức vụ và đơn vị công tác

1980- 1982	Cán bộ kỹ thuật Công ty xây lắp1 Đồng Nai
1983- 1987	Phó phòng kỹ thuật NM gạch ngói Phước Tân
1988- 1997	Đội trưởng xây dựng Cty Xây lắp 1 Đồng Nai
1997- 2005	Giám đốc Công ty khai thác cát Đồng Nai
2005- nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai

16. Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai
17. Số cổ phần nắm giữ: 2.861.191 cổ phần. Trong đó:
 - + Số cổ phần cá nhân sở hữu: 2.500 cổ phần
 - + Số cổ phần đại diện sở hữu Nhà nước: 2.858.691 cổ phần
18. Người có liên quan nắm giữ cổ phần: không có
19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
20. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

b. Thành viên HĐQT – Ông Trương Cường

1. Họ và tên: Trương Cường
2. Giới tính: nam
3. Ngày tháng năm sinh: 25/12/1962
4. Nơi sinh: Xã Tiến Thủy- Quỳnh Lưu- Nghệ An
5. Số chứng minh nhân dân/hộ chiếu: 270808887



6. Ngày cấp: 13/10/2005
7. Nơi cấp : CA. Đồng Nai
8. Quốc tịch: Việt Nam
9. Dân tộc: Kinh
10. Quê quán: Xã Tiến Thủy- Quỳnh Lưu- Nghệ An
11. Địa chỉ thường trú: KP10- P An Bình- Biên Hoà- Đồng Nai.
12. ĐT liên lạc ở cơ quan: 061.3 831 998
13. Trình độ văn hóa: 10/10
14. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
15. Quá trình công tác:

Thời gian

Chức vụ và đơn vị công tác

1997- 2001

Trưởng phòng TCHC Cty khai thác cát Đồng Nai

2001- 2005

Phó giám đốc Cty khai thác cát Đồng Nai

2005- nay

Phó chủ tịch HĐQT, Phó tổng giám Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai

16. Chức vụ công tác hiện nay: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai.
17. Số cổ phần nắm giữ : 1.333.703 cổ phần. Trong đó:
 - + Số cổ phần cá nhân sở hữu : 8.600 cổ phần
 - + Số cổ phần đại diện sở hữu Nhà nước: 1.325.103 cổ phần
18. Người có liên quan nắm giữ cổ phần:
 - + Em Trương Đức Hào: 1.600 cổ phần
 - + Em Trương Thị Hiền: 1.400 cổ phần
19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
20. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

c. Thành viên HĐQT - Ông Nguyễn Thế Phòng

1. Họ và tên: Nguyễn Thế Phòng
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 01/12/1960
4. Nơi sinh: Thái Bình.
5. Số chứng minh nhân dân/hộ chiếu: 270978331



6. Ngày cấp: 21/9/1995
7. Nơi cấp : CA Đồng Nai.
8. Quốc tịch: Việt Nam
9. Dân tộc: Kinh
10. Quê quán: TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
11. Địa chỉ thường trú: 18B QL1, P.Tân Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai.
12. ĐT liên lạc ở cơ quan: 061.3 832 800
13. Trình độ văn hóa: 10/10
14. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.
15. Quá trình công tác:

Thời gian

Chức vụ và đơn vị công tác

12/1983 – 03/1991	Nhà máy Gạch Ngói Phước Tân
04/1991 – 03/2000	Công ty Sản xuất Dịch vụ VLXD Đồng Nai.
04/2000 – 09/2005	Công ty Khai thác Cát Đồng Nai.
10/2006 - Nay	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng kinh doanh Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai

16. Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng Phòng kinh doanh Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai.
17. Số cổ phần nắm giữ: 6.625 cổ phần. Trong đó:
 - + Số cổ phần cá nhân sở hữu cá nhân: 6.625 cổ phần.
 - + Số cổ phần đại diện sở hữu Nhà nước: Không.
18. Người có liên quan nắm giữ cổ phần: không
19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
20. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

d. Thành viên HĐQT - Ông Nguyễn Văn Biết

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Biết
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 01/4/1955
4. Nơi sinh: Tiền Giang.
5. Số chứng minh nhân dân/hộ chiếu: 270214087
6. Ngày cấp: 23/11/2005



7. Nơi cấp : CA Đồng Nai.
8. Quốc tịch: Việt Nam
9. Dân tộc: Kinh
10. Quê quán: Hòa Hưng, Cái Bè, Tiền Giang.
11. Địa chỉ thường trú: 190 –Phan Đình Phùng, Biên Hòa, Đồng Nai.
12. ĐT liên lạc ở cơ quan: 061.3 834 235
13. Trình độ văn hóa: 12/12
14. Trình độ chuyên môn: /.
15. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ và đơn vị công tác
1982 - 1984	Công nhân Xí nghiệp cung ứng Vật tư
1985 - 1988	Công nhân Xí nghiệp Khai thác Cát Đồng Nai.
1988 - 2000	Giám đốc XN2, Công ty Khai thác Cát Đồng Nai.
2001 - 2005	Phó Giám đốc Công ty Khai thác Cát Đồng Nai.
2006 - Nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai.

16. Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai.
17. Số cổ phần nắm giữ: 1.339.403 cổ phần. Trong đó:
 - + Số cổ phần cá nhân sở hữu cá nhân: 14.300 cổ phần.
 - + Số cổ phần đại diện sở hữu Nhà nước: 1.325.103 cổ phần.
18. Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
20. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.2. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

a. Trưởng Ban Kiểm soát - Bà Trần Thị Thu

1. Họ và tên: Trần Thị Thu
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày tháng năm sinh: 23/3/1962
4. Nơi sinh: Bà Rịa Vũng Tàu.
5. Số chứng minh nhân dân/hộ chiếu: 270345604

6. Ngày cấp: 20/5/2004
7. Nơi cấp : CA Đồng Nai
8. Quốc tịch: Việt Nam
9. Dân tộc: Kinh
10. Quê quán: xã Long Mỹ- Huyện Đất Đỏ- Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
11. Địa chỉ thường trú: 127/20/3 Quốc lộ 1- phường Quyết Thắng- TP. Biên Hòa- Đồng Nai.
12. ĐT liên lạc ở cơ quan: 061.3 860 561
13. Trình độ văn hóa: 12/12
14. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Tài chính Kế toán.
15. Quá trình công tác:

Thời gian**Chức vụ và đơn vị công tác**

04/1988- 10/1994	Kế toán - Cty DV Việt kiều và Hợp tác Quốc tế Đồng Nai.
11/1994- 10/1995	Chuyên viên - Sở Tài chính Đồng Nai.
11/1995- 09/1999	Chuyên viên - Cục Quản lý Vốn và Tài sản NN tại DN Đ.Nai.
10/1999- 11/2003	Chuyên viên – Chi cục Tài chính Doanh nghiệp Đồng Nai.
12/2003- Nay	Trưởng Ban Kiểm soát - Cty Phát triển KCN Biên Hòa.

16. Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai.
17. Số cổ phần nắm giữ : 1.325.100 cổ phần , trong đó:
 - + Số cổ phần cá nhân sở hữu cá nhân: Không
 - + Số cổ phần đại diện sở hữu Nhà nước (Công ty Phát triển KCN Biên Hòa): 1.325.100 cổ phần.
18. Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
20. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

b. Thành viên Ban Kiểm soát - Bà Nguyễn Thị Biên

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Biên
2. Giới tính: nữ
3. Ngày tháng năm sinh: 21/07/1976
4. Nơi sinh: Hà Nam



5. Số chứng minh nhân dân/hộ chiếu: 271214390
6. Ngày cấp: 16/07/2004
7. Nơi cấp : CA.Đồng Nai
8. Quốc tịch: Việt Nam
9. Dân tộc: Kinh
10. Quê quán: Xã Hoàng Đông- Duy Tiên- Hà Nam
11. Địa chỉ thường trú: Ấp 1- Xã Tam An -Huyện Long Thành- Đồng Nai.
12. ĐT liên lạc ở cơ quan: 061.3 832 835
13. Trình độ văn hóa: 12/12
14. Trình độ chuyên môn: Đại học tài chính kế toán
15. Quá trình công tác:

Thời gian

Chức vụ và đơn vị công tác

2000- 2005

Kế toán Công ty khai thác cát Đồng Nai

2005- 2007

Kế toán Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai

16. Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên ban kiểm soát
17. Số cổ phần nắm giữ : 400 cổ phần. Trong đó:
 - + Số cổ phần cá nhân sở hữu : 400 cổ phần
 - + Số cổ phần đại diện sở hữu Nhà nước: không có
18. Người có liên quan nắm giữ cổ phần:
Chị Nguyễn Thị Thuần : 2.500 cổ phần
19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
20. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

c. Thành viên Ban kiểm soát – Ông Lê Xuân Bình

1. Họ và tên: Lê Xuân Bình
2. Giới tính: nam
3. Ngày tháng năm sinh: 26/10/1953
4. Nơi sinh: Thanh Hóa
5. Số chứng minh nhân dân/hộ chiếu: 2707137801
6. Ngày cấp: 12/6/1996
7. Nơi cấp : CA.Đồng Nai



8. Quốc tịch: Việt Nam
9. Dân tộc: Kinh
10. Quê quán: Xuân Yên, Thọ Xuân, Thái Bình
11. Địa chỉ thường trú: 25 + 26 Đồng Khởi, Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng.
12. ĐT liên lạc ở cơ quan: 091.3851680
13. Trình độ văn hóa: 10/10
14. Trình độ chuyên môn: Đại học sư phạm – Chuyên ngành hóa

15. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ và đơn vị công tác
1974 – 1976	Giáo viên
1976 – 1982	Cán bộ Sở Giáo dục tỉnh Đồng Nai.
1982 – 1986	Giáo viên Cao đẳng Sư phạm Đồng Nai.
1986 – 1994	Giáo viên trường THPT Ngô Quyền- Biên Hoà
1994 – 2005	GV trường THPT Chuyên Lương Thế Vinh – Biên Hoà
2005 – 2006	Nghỉ hưu.
2006 – Nay	Hiệu trưởng trường THPT Trần Đại Nghĩa – BiênHoà.

16. Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên ban kiểm soát

17. Số cổ phần nắm giữ: 200.000 cổ phần. Trong đó:

- + Số cổ phần cá nhân sở hữu: 200.000 cổ phần
- + Số cổ phần đại diện sở hữu Nhà nước: không có

18. Người có liên quan nắm giữ cổ phần: không có

19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

20. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

a. Tổng Giám đốc - Ông Nguyễn Hữu Thực

Lý lịch trình bày tại phần 12.1.a Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

b. Phó Tổng Giám đốc - Ông Trương Cường

Lý lịch trình bày tại phần 12.1.b Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

c. Phó Tổng Giám đốc - Ông Nguyễn Văn Biết

Lý lịch trình bày tại phần 12.1.d Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

d. Kế toán trưởng – Bà Vũ Thị Xuân Mai

1. Họ và tên: Vũ Thị Xuân Mai
2. Giới tính: nữ
3. Ngày tháng năm sinh: 26/06/1958
4. Nơi sinh: Gia Bình -Bắc Ninh
5. Số chứng minh nhân dân/hộ chiếu: 272037887
6. Ngày cấp: 18/02/2006
7. Nơi cấp : Đồng Nai
8. Quốc tịch: Việt Nam
9. Dân tộc: Kinh
10. Quê quán: Đông Cứu- Gia Bình- Bắc Ninh
11. Địa chỉ thường trú: 56B QL1 –P Tân Tiến Biên Hoà Đồng Nai
12. ĐT liên lạc ở cơ quan:061.3 832 835
13. Trình độ văn hóa: 10/10
14. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
15. Quá trình công tác:

Thời gian

Chức vụ và đơn vị công tác

1979- 1981	Kế toán nhà máy vôi xi măng Bình Hoà
1982- 1993	Phó phòng kế toán nhà máy vôi xi măng Bình Hoà
1994- 1996	Kế toán Công ty kinh doanh nhà Đồng Nai
1997- 1998	Trưởng phòng kế toán Công ty khai thác cát Đồng Nai
1999- nay	Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai

16. Chức vụ công tác hiện nay: kế toán trưởng
17. Số cổ phần nắm giữ: 5.000 cổ phần. Trong đó:
 - + Số cổ phần cá nhân sở hữu: 5.000 cổ phần
 - + Số cổ phần đại diện sở hữu Nhà nước: không có
18. Người có liên quan nắm giữ cổ phần: không có
19. Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
20. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

13. TÀI SẢN

13.1. Giá trị tài sản cố định theo Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2006

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I.	Tài sản cố định hữu hình	49.993.862.485	26.457.054.183	23.536.808.302
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	9.519.590.104	3.407.717.744	6.111.872.360
2	Máy móc thiết bị	22.964.472.121	13.291.117.153	9.673.354.968
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	11.730.495.522	7.929.826.164	3.800.669.358
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	829.819.620	600.277.756	229.541.864
5	Tài sản khác	4.949.485.118	1.228.115.366	3.721.369.752
II.	Tài sản cố định vô hình	346.786.936	91.170.484	255.616.452
1	Phần mềm máy tính	61.586.100	9.800.640	51.785.460
1	Quyền sử dụng đất	285.200.836	81.369.844	203.830.992
Tổng cộng		50.340.649.421	26.548.224.667	23.792.424.754

Nguồn: DNC

13.2. Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng

Tính đến thời điểm 31/12/2006, DNC đang thực hiện thuê đất của Nhà nước để tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh trên tổng diện tích 129.259,9 m²; thời gian thuê là 50 năm.

DANH SÁCH NHÀ VÀ ĐẤT THUÊ CỦA NHÀ NƯỚC MÀ CÔNG TY ĐANG SỬ DỤNG

STT	Diễn giải	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Mục đích sử dụng
1	Nhà máy ngói màu, QL1, P Trảng dài, Biên Hòa	10.858,9	2.469,3	Văn phòng, sản xuất gạch ngói màu
2	Nhà Máy Gạch Tuynel, Xã Phước Tân, Long Thành	84.928,2	9.294,3	Sản xuất gạch tuynel
3	Bãi cát Long Tân, Nhơn Trạch	8.000,0	200,0	Điểm bán cát
4	Văn phòng Công ty	10.992,8	969,2	Văn phòng, điểm bán cát, sản xuất bê tông
5	Phân xưởng gạch Vĩnh An, Đồng Nai	14.480,00	893,3	Sản xuất gạch thủ công
Tổng cộng		129.259,9	13.826,1	

Nguồn: DNC

Ngoài ra, Công ty hiện còn đang sở hữu một số quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

STT	Diễn giải	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Mục đích sử dụng
1	Xí nghiệp khai thác đá, Phước Tân, Long Thành	65.000		Văn phòng, khai thác đá
2	Mỏ đất, Thiện Tân, Vĩnh Cửu, Đồng Nai	123.841		Khai thác đất
3	Đất nền Q. Bình Thạnh, TP.HCM	355,8		Đất nền dùng xây dựng nhà
	Tổng cộng	189.196,8		

Nguồn: DNC

14. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC GIAI ĐOẠN 2007- 2011

14.1. Định hướng phát triển của Công ty đến năm 2011

Về đầu tư phát triển:

- Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Tạo ra những giá trị gia tăng cho các sản phẩm hiện tại.
- Nâng cấp hệ thống máy móc thiết bị để đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của thị trường.

Về hệ thống quản trị:

- Hoàn thiện và nâng cấp các phần mềm quản trị hiện có phù hợp với yêu cầu sử dụng và sự phát triển không ngừng của Công ty.
- Xây dựng hiệu quả hệ thống thông tin nội bộ, thông tin thị trường, thông tin khách hàng, thông tin khoa học kỹ thuật trong và ngoài nước.
- Xây dựng hệ thống cảnh báo rủi ro, từ đó có những nhận định xuyên suốt, hạn chế tối đa rủi ro trong kinh doanh.
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng hệ thống quản lý xuyên suốt từ cấp cao đến từng bộ phận, từng nhân viên.

Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Chuyên môn hóa hệ thống sản xuất, khai thác tối ưu công suất của máy móc thiết bị, nâng cao sản lượng, tăng năng suất lao động.
- Tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao giá trị cho các sản phẩm là thế mạnh của Công ty, tập trung vào các sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao như khai thác cát, đá, đất...

Về tài chính:

- Kiểm soát tốt chi phí để xây dựng cơ cấu giá thành hợp lý, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Khai thác tối đa lợi thế giá trị và uy tín thương hiệu để tăng hiệu quả kinh tế.
- Xây dựng hệ thống quản trị tài chính chuyên nghiệp.
- Duy trì tình hình tài chính lành mạnh, tích cực tìm kiếm các nguồn tài trợ có chi phí thấp.
- Báo cáo tài chính kịp thời, minh bạch và công khai.

Về nguồn nhân lực:

- Nâng cao năng lực quản lý, đặc biệt phát triển nguồn nhân lực quản lý cấp cao. Đồng thời củng cố tổ chức nhân sự, huấn luyện đào tạo nhân viên, tăng cường tuyển chọn và thu hút nguồn nhân lực giỏi từ bên ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Đầu tư đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động, phát triển các phong trào thi đua sáng tạo.
- Chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của CBCNV Công ty, tạo điều kiện tối đa cho CBCNV an tâm làm việc.
- Xây dựng chính sách khen thưởng nhằm phát huy, kích thích tính sáng tạo của CBCNV.

14.2. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2007 – 2011

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị
Vốn điều lệ	88.340	88.340	88.340	88.340	88.340
Doanh thu thuần	125.575	165.230	189.430	242.330	266.560
Lợi nhuận trước thuế	15.600	17.160	19.150	23.850	25.040
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.402	2.681	6.678	7.011
Lợi nhuận sau thuế	15.600	14.757,6	16.469	17.172	18.028,8
Cổ tức (đồng/cổ phần)	1.080	1.188	1.326	1.360	1.428

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị
Tỷ suất LNST/ DT thuần	12,42%	8,93%	8,69%	7,09%	6,76%
Tỷ suất LNST/ VDL	17,66%	16,71%	18,64%	19,44%	20,41%

Nguồn: DNC

* Ghi chú: trong năm 2007, doanh nghiệp được miễn 100% thuế thu nhập doanh nghiệp, trong hai năm tiếp theo 2008, 2009, Công ty được miễn 50% thuế thu nhập doanh nghiệp

15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trong giai đoạn 2007 - 2011 được Công ty xây dựng theo nguyên tắc thận trọng. Doanh thu và lợi nhuận được xây dựng trên nền tảng kết quả thực tế các năm hoạt động trong giai đoạn Công ty chuyển sang hoạt động với hình thức công ty cổ phần kết hợp với dự báo các yếu tố biến động trong điều kiện bình thường của thị trường nguyên vật liệu, thị trường tiêu thụ, quy mô sản xuất của Công ty trong tương lai.

Một điểm cần lưu ý nữa là Công ty chỉ xây dựng kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trên nền tảng phát triển của các sản phẩm hiện có với sự gia tăng trong sản xuất và mở rộng mạng lưới tiêu thụ, Công ty cũng vẫn chưa đưa vào kế hoạch doanh thu và lợi nhuận cho các dự án mà Công ty đang nghiên cứu tiền khả thi sắp tới như dự án khai thác 25ha đất tại Tân Cang.

Vì vậy, chúng tôi nhận định Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai có khả năng để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu và lợi nhuận nêu trên.

Song, chúng tôi cũng lưu ý rằng những đánh giá trên chỉ mang tính chất tham khảo cho các nhà đầu tư. Chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn tuyệt đối của những số liệu được dự báo.

16. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY

Cam kết sửa đổi điều lệ

17. CÁC THÔNG TIN TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY CÓ THỂ GÂY ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN

Không có.

V. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN

1. LOẠI CỔ PHIẾU : cổ phiếu phổ thông.
2. MỆNH GIÁ : 10.000 đồng/cổ phần.
3. TỔNG SỐ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN : 2.328.660 cổ phiếu (tương đương với tổng giá trị theo mệnh giá là v 23.286.600.000 đồng).
4. GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐẦU GIÁ : 12.500 đồng/cổ phần.
5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ
Dựa trên phân tích giá trị sổ sách của Công ty.
Theo phương pháp giá trị sổ sách:
Tại thời điểm 30/09/2007 (Mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần)

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Nguồn vốn, quỹ}}{\text{Số cổ phần đã phát hành - số cổ phiếu quỹ}} = \frac{102.751.816.29}{8.834.000 - 0} = 11.631 \text{ đồng/cổ phần}$$

Giá cổ phiếu DNC tính theo phương pháp giá trị sổ sách là 11.631 đồng/cổ phần.

Trên cơ sở này, mức giá khởi điểm được đưa ra là: **12.500 đồng/cổ phần.**

6. THỜI GIAN CHÀO BÁN CỔ PHẦN

Thời gian phân phối dự kiến bắt đầu từ ngày 15/10/2007.

7. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN

Đấu giá cạnh tranh thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

8. ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHẦN

- Phiên bán đấu giá cổ phần dự kiến sẽ được tổ chức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM. Thông báo về việc đấu giá bán cổ phần sẽ được công bố trên phương tiện thông tin đại chúng, nhà đầu tư khi đăng ký tham gia đấu giá sẽ đăng ký và nộp tiền đặt cọc tại các đại lý theo thông báo của Sở Giao dịch.
- Số lượng cổ phần mua tối thiểu: 100 cổ phần.

Lưu ý: Các quy định chi tiết về việc bán đấu giá cổ phần sẽ được nêu cụ thể tại Quy chế bán đấu giá của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai.

9. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Theo quy định hiện hành, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai được nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ tối đa là 30%.

10. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng hai năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2006, 2007) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm tiếp theo (2008, 2009). Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đang áp dụng đối với Công ty là 28%.

b. Thuế giá trị gia tăng

Công ty đang áp dụng thuế giá trị gia tăng là 5% đối với các mặt hàng như sản xuất bê tông, khai thác cát, đất.. và 10% đối với các mặt hàng như sản xuất gạch ngói nung các loại, thi công san lấp công trình, kinh doanh nhà và các dịch vụ khác.

12. NGÂN HÀNG MỞ TÀI KHOẢN PHONG TOẢ NHẬN TIỀN MUA CỔ PHIẾU

Tên Ngân hàng: Ngân hàng Công thương – Khu công nghiệp Biên Hòa.

Địa chỉ: Khu phố 10, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: (84 – 061) 3 831570

Số tài khoản: 102010000554936

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Theo công văn số 3501/UBND-KT V/v điều chỉnh vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu tại Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai ngày 15/05/2007. Mục đích của việc bán bớt cổ phần thuộc phần vốn Nhà nước này là nhằm thu hút các nhà đầu tư có kinh nghiệm trong tổ chức quản lý kinh doanh để đổi mới phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng khả năng cạnh tranh và quản lý hiệu quả nguồn vốn của Công ty.

VII. CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC HĐQT THÔNG QUA

- Góp 50% vốn điều lệ (3 tỷ đồng) cùng Công ty Cổ phần Hoàng Linh (Vũng Tàu) thành lập Công ty TNHH Cát Hoàng. Công ty TNHH Cát Hoàng hoạt động từ tháng 9/2007; Hoạt động chính là khai thác cát san lấp tại mỏ cát Vịnh Gành Rái, Long Sơn, Vũng Tàu theo giấy phép số 06/GP-UBND ngày 18/1/2007; Trữ lượng mỏ 2,0 triệu m³; Sản lượng khai thác 200.000 m³/năm. Thị trường cung cấp cho các công trình san lấp tại Vũng Tàu, Đồng Nai như cảng Cái Mép, Thị Vải, Phú Mỹ...
- Góp 2% vốn điều lệ (14 tỷ đồng) cùng các thành viên trong tổ hợp Sonadezi để thành lập Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức. Công ty hoạt động từ tháng 6/2007. Lĩnh vực hoạt động: Đầu tư hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, BOT.
- Góp 2% vốn điều lệ (1 tỷ đồng) cùng các thành viên trong tổ hợp Sonadezi để thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi. Công ty hoạt động từ tháng 6/2007. Lĩnh vực hoạt động dịch vụ hạ tầng khu dân cư, công nghiệp, nhà hàng.
- Liên kết khai thác đá xây dựng (10,255 tỷ đồng) tại mỏ đá Phước Tân, Long Thành, diện tích 5 ha với Công ty Cổ phần công trình Giao thông 610. Hiện nay mỏ đã bóc xong tầng phủ, khoan, nổ mìn, hợp đồng xây đá dự kiến tháng 11/2007 ra sản phẩm.
- Mỏ đất sét gạch ngói áp Vàm, xã Thiện Tân được UBND Tỉnh Đồng Nai đồng ý chủ trương thống nhất giới thiệu địa điểm 29,4ha. Đã có giấy phép khai thác tận thu 4,95ha.
- Công ty được UBND Tỉnh chấp thuận chủ trương theo văn bản số 5045/UBND-CNN ngày 04/7/2007 về việc thăm dò khai thác mỏ đá xây dựng Tân Cang 5, xã Phước Tân, huyện Long Thành trên diện tích 25 ha. Theo kế hoạch tháng 10/2007 sẽ có quyết định của UBND Tỉnh phê duyệt đề án và cấp giấy phép thăm dò; Quý 1/2008 sẽ có quyết định phê chuẩn báo cáo kết quả thăm dò, phê duyệt trữ lượng.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT ĐẦU GIÁ

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN ĐẦU GIÁ

- Tên : Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC).
- Trụ sở chính: 94 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại : (84.4) 9433016 Fax : (84.4) 9433012
- Chi nhánh : 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84.08) 8218564 Fax : (84.08) 9141991
- Website : www.bvsc.com.vn



2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

- Tên : Công ty Kiểm toán DTL
- Địa chỉ : Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Quận 1.
- Điện thoại : (84.8) 8275026 Fax : (84.8) 8275027

DTC



IX. PHỤ LỤC

- 1. PHỤ LỤC I : GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH**
- 2. PHỤ LỤC II : ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI**
- 3. PHỤ LỤC III : BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2005, 2006, QIII/2007, CÔNG VĂN VỀ VIỆC GIẢI TRÌNH CÁC ĐIỂM NGOẠI TRỪ TRONG BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2005, 2006**
- 4. PHỤ LỤC IV : SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BTGD**
- 5. PHỤ LỤC V : CÔNG VĂN CỦA UBND TỈNH ĐỒNG NAI, CÔNG VĂN CỦA SỞ TÀI CHÍNH ĐỒNG NAI, CÔNG VĂN CỦA CÔNG TY PHÁT TRIỂN KCN BIÊN HÒA**
- 6. PHỤ LỤC VI : CÁC TÀI LIỆU LIÊN QUAN TỚI CÁC DỰ ÁN MÀ HĐQT ĐÃ THÔNG QUA**
- 7. PHỤ LỤC VII : CAM KẾT SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**



Đồng Nai, ngày ... tháng ... năm 2007

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬT LIỆU ĐỒNG NAI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BKS

**CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM
TỔNG GIÁM ĐỐC**

ĐNC